



**San Francisco
Department of Public Health**

**San Francisco Department of Public Health
(San Francisco Sở Y Tế Công Cộng)**

**Behavioral Health Services
(Dịch Vụ Sức Khỏe Hành Vi)**

**Substance Use Disorder
(Dịch Vụ Dành cho Người Rối Loạn Sử Dụng Chất Kích Thích)**

**Provider Directory
(Danh mục nhà cung cấp)**

**(Part 2 - Clinician Information)
(Phần 2 – Thông tin bác sĩ lâm sàng)**

Tháng 7 năm 2024

Các dịch vụ có thể được cung cấp bởi một nhà cung cấp riêng lẻ hoặc một nhóm nhà cung cấp đang làm việc dưới sự chỉ đạo của một người hành nghề được cấp phép hoạt động trong phạm vi hành nghề của họ. Chỉ các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần được cấp phép, được miễn trừ hoặc đã đăng ký và các nhà cung cấp dịch vụ điều trị rối loạn do sử dụng được chất được cấp phép mới được liệt kê trong danh mục nhà cung cấp của Chương trình.

San Francisco Behavioral Health Access Line (24/7)

(Đường dây Tiếp cận Sức khỏe Hành vi San Francisco (24 giờ, 7 ngày)): (888) 246-3333 (TTY: 711)

Ghi chú:

Danh mục nhà cung cấp dịch vụ điều trị rối loạn sử dụng dược chất (SUD) có 2 phần:

SUD Provider Directory: Part 1 - Program Information (Danh mục Nhà cung cấp SUD: Phần 1 - Thông tin Chương trình)

SUD Provider Directory: Part 2 - Clinician Information (Danh mục nhà cung cấp SUD: Phần 2 - Thông tin bác sĩ lâm sàng)

Chúng cũng có sẵn ở dạng giấy miễn phí theo yêu cầu trong vòng năm ngày làm việc. Chúng cũng có thể được gửi qua email dưới dạng điện tử với sự cho phép của bạn. Gửi yêu cầu tới BHSMemberServices@sfdph.org.

LANGUAGE TAGLINES

English Tagline

ATTENTION: If you need help in your language call [1-888-246-3333] (TTY: 711). Aids and services for people with disabilities, like documents in braille and large print, are also available. Call [1-888-246-3333] (TTY: 711). These services are free of charge.

ATTENTION: Auxiliary aids and services, including but not limited to large print documents and alternative formats, are available to you free of charge upon request. Call 1-888-246-3333 / 1-415-255-3737 (TDD: 711).

الشعار بالعربية (Arabic)

يُرجى الانتباه: إذا احتجت إلى المساعدة بلغتك، فاتصل بـ [1-888-246-3333] (TTY: 711). تتوفر أيضًا المساعدات والخدمات للأشخاص ذوي الإعاقة، مثل المستندات المكتوبة بطريقة برييل والخط الكبير. اتصل بـ [1-888-246-3333] (TTY: 711). هذه الخدمات مجانية. (TTY: 711)

Հայերեն պիտակ (Armenian)

ՈՒՇԱԴՐՈՒԹՅՈՒՆ: Եթե Ձեզ օգնություն է հարկավոր Ձեր լեզվով, զանգահարեք [1-888-246-3333] (TTY: 711): Կան նաև օժանդակ փոխոցներ ու ծառայություններ հաշմանդամություն ունեցող անձանց համար, օրինակ՝ Բրայլի գրատիպով ու խոշորատառ տպագրված նյութեր: Զանգահարեք [1-888-246-3333] (TTY: 711): Այդ ծառայություններն անվճար են:

ប្រាសាទកម្ពុជា (Cambodian)

ចំណាំ: បើអ្នក ត្រូវ ការជំនួយ ជាភាសា របស់អ្នក សូម ទូរស័ព្ទទៅលេខ [1-888-246-3333] (TTY: 711)។ ជំនួយ និង សេវាកម្ម សម្រាប់ ជនពិការ ដូចជា ឯកសារសរសេរជាអក្សរធំ សម្រាប់ជនពិការភ្នែក ឬឯកសារសរសេរជាអក្សរពុម្ព ក៏អាចរកបានផងដែរ។ ទូរស័ព្ទមកលេខ [1-888-246-3333] (TTY: 711) ។ សេវាកម្មទាំងនេះមិនគិតថ្លៃឡើយ។

繁體中文標語 (Chinese)

請注意：如果您需要以您的母語提供幫助，請致電 [1-888-246-3333] (TTY: 711)。另外還提供針對殘疾人士的幫助和服務，例如盲文和需要較大字體閱讀，也是方便取用的。請致電 [1-888-246-3333] (TTY: 711)。這些服務都是免費的。

مطلب به زبان فارسی (Farsi)

توجه: اگر می‌خواهید به زبان خود کمک دریافت کنید، با [1-888-246-3333] (TTY: 711) تماس بگیرید. کمک‌ها و خدمات مخصوص افراد دارای معلولیت، مانند نسخه‌های خط بریل و چاپ با حروف بزرگ، نیز موجود است. با [1-888-246-3333] (TTY: 711) تماس بگیرید. این خدمات رایگان ارائه می‌شوند.

हिंदी टैगलाइन (Hindi)

ध्यान दें: अगर आपको अपनी भाषा में सहायता की आवश्यकता है तो [1-888-246-3333] (TTY: 711) पर कॉल करें। अशक्तता वाले लोगों के लिए सहायता और सेवाएं, जैसे ब्रेल और बड़े प्रिंट में भी दस्तावेज़ उपलब्ध हैं। [1-888-246-3333] (TTY: 711) पर कॉल करें। ये सेवाएं नि: शुल्क हैं।

Nqe Lus Hmoob Cob (Hmong)

CEEBOOM: Yog koj xav tau kev pab txhais koj hom lus hu rau [1-888-246-3333] (TTY: 711) Muaj cov kev pab txhawb thiab kev pab cuam rau cov neeg xiam oob qhab, xws li puav leej muaj ua cov ntawv su thiab luam tawm ua tus ntawv loj. Hu rau [1-888-246-3333] (TTY: 711). Cov kev pab cuam no yog pab dawb xwb.

日本語表記 (Japanese)

注意日本語での対応が必要な場合は [1-888-246-3333] (TTY: 711)へお電話ください。点字の資料や文字の拡大表示など、障がいをお持ちの方のためのサービスも用意しています。 [1-888-246-3333] (TTY: 711)へお電話ください。これらのサービスは無料で提供しています。

한국어 태그라인 (Korean)

유의사항: 귀하의 언어로 도움을 받고 싶으시면 [1-888-246-3333] (TTY: 711) 번으로 문의하십시오. 점자나 큰 활자로 된 문서와 같이 장애가 있는 분들을 위한 도움과 서비스도 이용 가능합니다. [1-888-246-3333] (TTY: 711) 번으로 문의하십시오. 이러한 서비스는 무료로 제공됩니다.

ແທກໄລພາສາລາວ (Laotian)

ປະກາດ: ຖ້າທ່ານຕ້ອງການຄວາມຊ່ວຍເຫຼືອໃນພາສາຂອງທ່ານໃຫ້ໂທຫາເບີ [1-888-246-3333] (TTY: 711). ຍັງມີຄວາມຊ່ວຍເຫຼືອແລະການບໍລິການສໍາລັບຄົນພິການເຊັ່ນເອກະສານທີ່ເປັນອັກສອນນູນແລະມີໂຕພິມໃຫຍ່ ໃຫ້ໂທຫາເບີ [1-888-246-3333] (TTY: 711). ການບໍລິການເຫຼົ່ານີ້ບໍ່ຕ້ອງເສຍຄ່າໃຊ້ຈ່າຍໃດໆ.

Mien Tagline (Mien)

LONGC HNYOUV JANGX LONGX OC: Beiv taux meih qiemx longc mienh tengx faan benx meih nyei waac nor douc waac daaih lorx taux [1-888-246-3333] (TTY: 711). Liouh lorx jauv-louc tengx aengx caux nzie gong bun taux ninh mbuo wuaaic fangx mienh, beiv taux longc benx nzangc-pokc bun hluo mbiutc aengx caux aamz mborqv benx domh sou se mbenc nzoih bun longc. Douc waac daaih lorx [1-888-246-3333] (TTY: 711). Naaiv deix nzie weih gong-bou jauv-louc se benx wang-henh tengx mv zuqc cuotv nyaanh oc.

ਪੰਜਾਬੀ ਟੈਗਲਾਈਨ (Punjabi)

ਧਿਆਨ ਦਿਓ: ਜੇ ਤੁਹਾਨੂੰ ਆਪਣੀ ਭਾਸ਼ਾ ਵਿੱਚ ਮਦਦ ਦੀ ਲੋੜ ਹੈ ਤਾਂ ਕਾਲ ਕਰੋ [1-888-246-3333] (TTY: 711). ਅਪਾਹਜ ਲੋਕਾਂ ਲਈ ਸਹਾਇਤਾ ਅਤੇ ਸੇਵਾਵਾਂ, ਜਿਵੇਂ ਕਿ ਬੋਲ ਅਤੇ ਮੋਟੀ ਛਪਾਈ ਵਿੱਚ ਦਸਤਾਵੇਜ਼, ਵੀ ਉਪਲਬਧ ਹਨ। ਕਾਲ ਕਰੋ [1-888-246-3333] (TTY: 711).
ਇਹ ਸੇਵਾਵਾਂ ਮੁਫਤ ਹਨ।

Русский слоган (Russian)

ВНИМАНИЕ! Если вам нужна помощь на вашем родном языке, звоните по номеру [1-888-246-3333] (линия TTY: 711). Также предоставляются средства и услуги для людей с ограниченными возможностями, например документы крупным шрифтом или шрифтом Брайля. Звоните по номеру [1-888-246-3333] (линия TTY: 711). Такие услуги предоставляются бесплатно.

Mensaje en español (Spanish)

ATENCIÓN: si necesita ayuda en su idioma, llame al [1-888-246-3333] (TTY: 711). También ofrecemos asistencia y servicios para personas con discapacidades, como documentos en braille y con letras grandes. Llame al [1-888-246-3333] (TTY: 711). Estos servicios son gratuitos.

Tagalog Tagline (Tagalog)

ATENSIYON: Kung kailangan mo ng tulong sa iyong wika, tumawag sa [1-888-246-3333] (TTY: 711). Mayroon ding mga tulong at serbisyo para sa mga taong may kapansanan, tulad ng mga dokumento sa braille at malaking print. Tumawag sa [1-888-246-3333] (TTY: 711). Libre ang mga serbisyong ito.

แท็กไลน์ภาษาไทย (Thai)

โปรดทราบ: หากคุณต้องการความช่วยเหลือเป็นภาษาของคุณ กรุณาโทรศัพท์ไปที่หมายเลข [1-888-246-3333] (TTY: 711) นอกจากนี้ ยังพร้อมให้ความช่วยเหลือและบริการต่าง ๆ สำหรับบุคคลที่มีความพิการ เช่น เอกสารต่าง ๆ ที่เป็นอักษรเบรลล์และเอกสารที่พิมพ์ด้วยตัวอักษรขนาดใหญ่ กรุณาโทรศัพท์ไปที่หมายเลข [1-888-246-3333] (TTY: 711) ไม่มีค่าใช้จ่ายสำหรับบริการเหล่านี้

Примітка українською (Ukrainian)

УВАГА! Якщо вам потрібна допомога вашою рідною мовою, телефонуйте на номер [1-888-246-3333] (TTY: 711). Люди з обмеженими можливостями також можуть скористатися допоміжними засобами та послугами, наприклад, отримати документи, надруковані шрифтом Брайля та великим шрифтом. Телефонуйте на номер [1-888-246-3333] (TTY: 711). Ці послуги безкоштовні.

Khẩu hiệu tiếng Việt (Vietnamese)

CHÚ Ý: Nếu quý vị cần trợ giúp bằng ngôn ngữ của mình, vui lòng gọi số [1-888-246-3333] (TTY: 711). Chúng tôi cũng hỗ trợ và cung cấp các dịch vụ dành cho người khuyết tật, như tài liệu bằng chữ nổi Braille và chữ khổ lớn (chữ hoa). Vui lòng gọi số [1-888-246-3333] (TTY: 711). Các dịch vụ này đều miễn phí.

Chương trình sức khỏe	Họ	Tên đầu tiên	Bảng cấp chuyên nghiệp	Ngôn ngữ	Đào tạo năng lực văn hóa	NPI	Số giấy phép
BAART Programs (SUD)- Turk St.	Barnaby	Debbie	CAODC		Vâng	1033395025	5287
BAART Programs (SUD)- Turk St.	Clear	Brian	MD	Spanish	Vâng	1154680668	FC5617278, XC5617278, A148861
BAART Programs (SUD)- Turk St.	Downs	Timothy	CAODC		Vâng	1871627778	LCi11030318
BAART Programs (SUD)- Turk St.	Dunmore	Troy	RAODC		Không	1891455192	SUDRC12597
BAART Programs (SUD)- Turk St.	Hurem	Belkisa	CAODC		Vâng	1346387974	6335
BAART Programs (SUD)- Turk St.	Jeter	Harriet	CAODC		Vâng	1972640837	C055450518
BAART Programs (SUD)- Turk St.	Leatherwood	Terry	RAODC		Vâng	1194573964	SUDRC17819
BAART Programs (SUD)- Turk St.	Manbossia	Eric	NP, MSN	French	Không	1215396494	NP95015453, NPF95015453, RN837552
BAART Programs (SUD)- Turk St.	Moore	Kyle	MD		Không	1568580322	BM0904549, A43351
BAART Programs (SUD)- Turk St.	Nalagan	Cara	NP, MSN	Tagalog	Vâng	1083128466	MN4560884, NP95007334, RN775189
BAART Programs (SUD)- Turk St.	Patel	Sadna	CAODC		Vâng	1396882353	C054630518
BAART Programs (SUD)- Turk St.	Rasmussen	Leif	MD		Không	1942353800	BR9588027, G27227
BAART Programs (SUD)- Turk St.	Rodriquez	Nikki	RAODC		Không	1215672225	SUDRC13673
BAART Programs (SUD)- Turk St.	Solleder	Angela	NP, MSN	Spanish	Vâng	1942740832	NP95006024, RN516558
BAART Programs- Market St.	Becker	Jeffrey	RAODC	Spanish	Vâng	1982111589	SUDRC14345
BAART Programs- Market St.	Brumm	Charles	RAODC		Vâng	1255827846	R8086
BAART Programs- Market St.	Byers	Melanie	CAODC		Vâng	1245573823	SUDCC6890
BAART Programs- Market St.	Carroll	Robert	RAODC		Vâng	1184478604	SUDRC16681
BAART Programs- Market St.	Darby	Barbara	RAODC		Vâng	1023782257	SUDRC13716
BAART Programs- Market St.	Edwards	Donna	CAODC		Vâng	1740404284	CATCIV131590
BAART Programs- Market St.	Fallon	James	CAODC		Vâng	1902286487	A044220517
BAART Programs- Market St.	Ford	Clarissa	RAODC		Vâng	1639703309	10592
BAART Programs- Market St.	Kiley-Smith	Leslie	RAODC		Vâng	1437607983	8440
BAART Programs- Market St.	Lo	Lynn	NP, MSN			1245579481	ML3835165, XL3835165, NPF22372
BAART Programs- Market St.	Morales	Eduardo	RAODC		Không	1609556083	SUDRC15219
BAART Programs- Market St.	Palmea	Rhome	NP	Tagalog		1639865504	MP8027395, NP95024432, NPF95024432
BAART Programs- Market St.	Paul	Olina	RAODC	Spanish	Vâng	1225893944	17096
BAART Programs- Market St.	Rasmussen	Leif	MD		Không	1942353800	BR9588027, G27227
BAART Programs- Market St.	Saenz	Gilbert	RAODC		Vâng	1306225933	R7712
BAART Programs- Market St.	Wilder	Tiffany	RAODC		Vâng	1255034468	SUDRC14858
Baker Places Administration	Wilhelmi	Erik	CAODC		Không	1841858339	Ci39280723
Baker Places Administration	Winterrowd	Jessica	LMFT		Vâng	1962840926	LMFT99734

Chương trình sức khỏe	Họ	Tên đầu tiên	Bảng cấp chuyên nghiệp	Ngôn ngữ	Đào tạo năng lực văn hóa	NPI	Số giấy phép
Baker Places Grove Street House	Folger	Keith	LCSW		Vâng	1659928455	LCSW117750
Baker Places Joe Healy Medical Detox	Chege	Elizabeth	RN		Không	1881296218	RN95105378
Bayview Hunter's Point Foundation	Cabanero	Kenneth	VN		Không	1861083784	VN709049
Bayview Hunter's Point Foundation	Choice	Ursula	RAODC	Spanish	Vâng	1831607548	164526
Bayview Hunter's Point Foundation	Dudley	Willie	RAODC		Vâng	1427751965	R1509450623
Bayview Hunter's Point Foundation	Hollie	Norris	MD		Không	1932155298	AH1567493, A38157
Bayview Hunter's Point Foundation	Johnson	Rickie	RAODC		Không	1073222477	R1507390523
Bayview Hunter's Point Foundation	Mathis	Norman	CAODC		Vâng	1548305485	C054500518
Bayview Hunter's Point Foundation	Mis	Karen	VN		Không	1518558436	VN683118
Bayview Hunter's Point Foundation	Olson	Catherine	MD	Spanish	Không	1982731972	bo6700428, XO6700428, A68337
Bayview Hunter's Point Foundation	Palmea	Rhome	NP	Tagalog		1639865504	MP8027395, NP95024432, NPF95024432
Bayview Hunter's Point Foundation	Pierce	Kelly	CAODC		Vâng	1669706172	C14351214
Bayview Hunter's Point Foundation	Quinn	Ross	MD	Spanish	Không	1871082602	FQ8496792, C167750
Bayview Hunter's Point Foundation	Remigio	Diomedes	PA		Vâng	1467580381	PA15026
Bayview Hunter's Point Foundation	Robinson	Noel	RAODC		Không	1619142908	161326
Bayview Hunter's Point Foundation	Trujillo	Thomas	APCC		Không	1710131727	APCC13690
Bayview Hunter's Point Foundation	Webster	Toshia	CAODC		Vâng	1215069323	CO55010518
Bayview Hunter's Point Foundation	Williams	Alexis	MD	Spanish	Vâng	1316111743	FW0776849, XW0776849, A102689
Behavioral Health Services	Pating	David	MD		Vâng	1801974456	BP1946740, XP1946740, G60020
BHS Behavioral Health Access (BHAC)	Guidry	Orlando	CAODC			1881877256	CiCA01740819
BHS Offender Treatment Program	Penn	Mary	LCSW			1104253798	LCSW65541
BHS Pharmacy	Berger	Reisel	PharmD			1053691667	MB3082168, RPH68789
BHS Pharmacy	Maranon	Theresa	PharmD			1811398159	RPH63600
BHS Pharmacy	Preciado	Elizabeth	Pharm-Tech			1457778631	TCH61138
BHS Pharmacy	Sasaki	Kimberly	PharmD		Không	1497268254	RPH77714
BHS Treatment Access Program (TAP)	Cassidy-Borst	Angelique	LMFT			1982892998	LMFT96004
BHS Treatment Access Program (TAP)	Yamagami	Amy	CAODC, MHRS			1902001183	Aii058410518
Curry Senior Center	Sasano	Yukiko	ASW	Japanese	Vâng	1760763601	ASW103605
Curry Senior Center	Spohn	John	LCSW		Vâng	1568715951	LCSW77978
Curry Senior Center	Tuszynski	Ann	LCSW		Vâng	1518196401	LCSW28737
Curry Senior Center	Withers	Monique	RAODC		Vâng	1053088013	15791-RAC
Department of Public Health	Bazazi	Alexander	MD, PhD	Spanish	Vâng	1902301880	FB8691188, A164265
DPH Office of Compliance and Privacy Affairs	Lai	Ho-Yin	LMFT	Cantonese	Vâng	1750460697	LMFT40765
Drug Court Treatment Center	Dudley	Lynette	CAODC		Vâng	1538610936	Ci36190722

Chương trình sức khỏe	Họ	Tên đầu tiên	Bảng cấp chuyên nghiệp	Ngôn ngữ	Đào tạo năng lực văn hóa	NPI	Số giấy phép
Drug Court Treatment Center	McFarlin	Marion	CAODC		Vâng	1942754346	A044940717
DSAAM (OBIC)	Barlindal	Steven	CAODC		Vâng	1215361423	Aii056230518
DSAAM (OBIC)	Lum	Paula	MD, MPH		Vâng	1811004559	BL4425939, A53746
DSAAM (OBIC)	Martinez	Rebecca	FNP	Spanish	Vâng	1447654751	MM7116305, NP95001161
DSAAM (OBIC)	Piper	Yvonne	NP, MSN		Vâng	1447596432	MP3053446, NP23600, NPFNP23600
DSAAM (OBIC)	Silva	Michael	NP, MSN	Portuguese	Vâng	1518033034	MS2906230, NP22584, NPF22584
DSAAM (OBIC)	Steiger	Scott	MD	Spanish, Italian	Không	1679673131	BS9463516, A121933
DSAAM (OBIC)	Suen	Leslie	MD	Cantonese		1679937270	FS7365059, A153428
DSAAM (OBIC)	Walton	Paulette	NP, MSN		Vâng	1881896082	MW5079377, NP95010139, NPF95010139
DSAAM (OBOT)	Boyer	Reginald	CAODC		Không	1942403753	1564061
DSAAM (OBOT)	Gruber	Valerie	PhD	German	Vâng	1518996669	PSY13194
DSAAM (OBOT)	Spikes	Monica	CAODC		Vâng	1700194156	C052690518
DSAAM (OBOT)	Wistar	Emily	MD			1063774883	FW4384828, A128587
DSAAM (OTOP)	Anibuko	Henrietta	RN		Vâng	1871199539	RN95214118
DSAAM (OTOP)	Baginski	Bruce	RN		Vâng	1831613256	RN332648
DSAAM (OTOP)	Banks	Karen	CAODC		Vâng	1285771899	CiCA02840320
DSAAM (OTOP)	Bazazi	Alexander	MD, PhD	Spanish	Vâng	1902301880	FB8691188, A164265
DSAAM (OTOP)	Bettencourt	Manuel	VN			1720111388	VN192466
DSAAM (OTOP)	Buckley	Brittany	LPCC		Vâng	1639729072	LPCC15335
DSAAM (OTOP)	Corpuz	Dodie	RN		Vâng	1992449482	RN824826
DSAAM (OTOP)	Cruz	Heather	RN		Vâng	1659702447	RN805212
DSAAM (OTOP)	Davis	Enda	CAODC		Không	1346635950	Aii16331121
DSAAM (OTOP)	Day	Kenneth	CAODC		Vâng	1861527590	C056820618
DSAAM (OTOP)	Dean	Bryan	RAODC		Vâng	1750121778	R1461760322
DSAAM (OTOP)	Downs	Ralph	CAODC		Vâng	1215577234	SUDCC12805
DSAAM (OTOP)	Dunham	John	CAODC		Vâng	1063009611	B002460422
DSAAM (OTOP)	Escobar	Adriana	CAODC		Vâng	1336687359	A060970222
DSAAM (OTOP)	Hallisy	Eileah	RN		Không	1891363909	RN95115081
DSAAM (OTOP)	Haytin	Ari	NP, MSN	Spanish	Vâng	1649555723	MH2598881, NP21006, NPF21006
DSAAM (OTOP)	Herbert	Jason	RAODC		Vâng	1467978643	19111021
DSAAM (OTOP)	Krackow	James	RN		Vâng	1083822530	RN537907
DSAAM (OTOP)	Kroncke	Thomas	CAODC		Vâng	1679881155	Aii5541214

Chương trình sức khỏe	Họ	Tên đầu tiên	Bảng cấp chuyên nghiệp	Ngôn ngữ	Đào tạo năng lực văn hóa	NPI	Số giấy phép
DSAAM (OTOP)	Latibashvili	Elena	CPT			1619153087	CPT00021554
DSAAM (OTOP)	Lombardo	Frederick	CAODC		Vâng	1801173919	A09640315
DSAAM (OTOP)	McConnell	Steven	CAODC		Vâng	1568831683	Aii052580218
DSAAM (OTOP)	Mcguinness	Miriam	RN		Vâng	1548394901	RN514787
DSAAM (OTOP)	Mota	Ana	RN		Vâng	1619254133	RN95073435
DSAAM (OTOP)	Nettles-Tutwiler	Wondelyn	CAODC		Vâng	1740879709	9136
DSAAM (OTOP)	Patel-Krackow	Rakhee	RN		Vâng	1750654034	RN552877
DSAAM (OTOP)	Piper	Yvonne	NP, MSN		Vâng	1447596432	MP3053446, NP23600, NPFNP23600
DSAAM (OTOP)	Pope	Courtney	CAODC		Vâng	1417197534	Ci38030323
DSAAM (OTOP)	Ramos	Luisito	CAODC	Tagalog, Visaya	Vâng	1073652707	Aii057000518
DSAAM (OTOP)	Ricks	Betty	CAODC		Vâng	1659419844	C056850618
DSAAM (OTOP)	Schaaf	Tashi	NP, MSN		Vâng	1518414879	MS4094188, NP95003805, NPF95003805
DSAAM (OTOP)	Shapiro	Bradley	MD	Spanish	Vâng	1609891274	BS7417252, A75054
DSAAM (OTOP)	Simon	Sheena	RN		Vâng	1962868547	RN95066501
DSAAM (OTOP)	Sisic	Hasija	RN	Bosnian	Vâng	1619188059	RN694333
DSAAM (OTOP)	Stroud	Chelise	CAODC		Không	1306295522	9736
DSAAM (OTOP)	Tompkins	David	MD, MHS		Vâng	1487790143	FT0749602, XT0749602, C149238
DSAAM (OTOP)	Topalovic	Bojana	RN		Vâng	1841946357	RN846727
DSAAM (OTOP)	Triandafyllis	Karen	NP, MSN	Greek	Vâng	1659599983	MT1509605, NP18093, NPF18093
DSAAM (OTOP)	Tulsky	Jacqueline	MD		Vâng	1487761227	BP2884939, G71894
DSAAM (OTOP)	Walker	Glenna	RN		Vâng	1437353919	RN212556
DSAAM (OTOP)	Whelan	Andrew	CAODC		Vâng	1871242990	A052671121
DSAAM OBOT Tom Waddell Urban Health clinic	Lin	Royce	MD	Chinese, Mandarin	Vâng	1063524122	BL7845247, XL7845247, A79349
DSAAM OBOT Tom Waddell Urban Health clinic	Price-Hanson	Douglas	MD	French	Vâng	1104921691	BP3803245, XP3803245, G76984
DSAAM OTOP-OBOT Potrero Hill	Dallman	Ann	MD, MPH	Spanish, French	Vâng	1821146564	BD4273556, XD4273556, G74481
DSAAM OTOP-OBOT Potrero Hill	Miller Woo	Angela	MD	Spanish		1790818797	BM7629794, A72109
Edgewood Center for Children & Families	Williams	Matthew	MD		Vâng	1326626797	PTL6788
Epiphany Center	Cormican	Erin	RAODC		Vâng	1053177931	17763

Chương trình sức khỏe	Họ	Tên đầu tiên	Bảng cấp chuyên nghiệp	Ngôn ngữ	Đào tạo năng lực văn hóa	NPI	Số giấy phép
Epiphany Center	Duenas	Jaeann	LCSW		Vâng	1053853259	LCSW122119
Epiphany Center	Eichler	Elaine	LMFT		Không	1154995611	LMFT116757
Epiphany Center	Estacio	Toni	RAODC		Không	1376317594	16828
Epiphany Center	Fabiani	Betty	CAODC		Không	1962702803	143561I
Epiphany Center	Feldman	Cheryl	LMFT		Vâng	1063585545	LMFT43294
Epiphany Center	Graham	Carla	APCC		Vâng	1962789735	APCC15592
Epiphany Center	Harven IV	Demorise	CAODC		Không	1134501380	156359I
Epiphany Center	Johns	Joji Gale	RAODC		Vâng	1275041295	SUDCC12716
Epiphany Center	Quatse	Veronica	RAODC		Vâng	1639813140	13074
Epiphany Center	Ren	Elizabeth	NP, MSN		Vâng	1255673299	MR6376265, NP95001234, RN825832
Epiphany Center	Thompson	Kay	CAODC		Không	1609369362	Ci34830222
Epiphany Center	Yang	Amy	MD		Không	1306048145	FY2191687, XY2191687, A119018
Fort Help Bryant Clinic	Fitts	James	RAODC		Không	1881321255	13954
Fort Help Bryant Clinic	Maahs	Robert	RAODC		Vâng	1114704442	15056
Fort Help Bryant Clinic	More	Sophia	RAODC		Vâng	1891392205	11173
Fort Help Bryant Clinic	Reese	Lee	RAODC			1265932586	10357
Fort Help Bryant Clinic	Sanders	Catherine	MD		Vâng	1366714925	FS3086558, XS3086558, A43485
Fort Help Mission	Fitts	James	RAODC		Không	1881321255	13954
Fort Help Mission	Hardy	Clarence	CAODC		Vâng	1912386319	SUDCC5945
Fort Help Mission	Maahs	Robert	RAODC		Vâng	1114704442	15056
Fort Help Mission	Moralez	Melinda	RAODC	Spanish	Vâng	1568950400	SUDRC13814
Friendship House Association of American Indians, Inc.	Dumont	Clayton	CAODC		Không	1487236170	A063780124
Friendship House Association of American Indians, Inc.	Mosher	Geoffrey	AMFT		Vâng	1033865274	AMFT128958
Friendship House Association of American Indians, Inc.	Nakai	Karen	RAODC		Không	1932717774	R1373521219
Friendship House Association of American Indians, Inc.	Torres	Adilia	LMFT		Vâng	1083021257	LMFT128742
Friendship House Association of American Indians, Inc.	Wean	Jonathan	CAODC		Không	1154678142	Ci24070518
HealthRight 360	Alestri	Lisa	RAODC		Vâng	1396432605	14817
HealthRight 360	Alexander	Shawnte	LPCC		Vâng	1225458482	LPCC12565
HealthRight 360	Allen	Kathryn	RAODC		Vâng	1922621820	SUDRC14552
HealthRight 360	Angileri	Kyra	ASW		Vâng	1992488027	ASW116474
HealthRight 360	Avila	Janine	VN	Filipino	Vâng	1275072290	VN284622
HealthRight 360	Bagnall	Justin	RAODC		Không	1427734722	SUDRC15278
HealthRight 360	Ball	Angela	CAODC		Vâng	1306345574	A058130820
HealthRight 360	Benjamin	Ira	RAODC		Vâng	1467230938	13409
HealthRight 360	Bey	Islam	RAODC		Vâng	1023668670	SUDRC12187

Chương trình sức khỏe	Họ	Tên đầu tiên	Bảng cấp chuyên nghiệp	Ngôn ngữ	Đào tạo năng lực văn hóa	NPI	Số giấy phép
HealthRight 360	Byrd	La'Quoia	RAODC		Vâng	1689305641	SUDRC12965
HealthRight 360	Byrne	Marc	RAODC		Vâng	1972235471	R1479990822
HealthRight 360	Camarco	Owen	LPCC		Vâng	1639549157	LPCC11909
HealthRight 360	Campos	Roberto	LCSW	Spanish	Vâng	1184907685	LCSW85618
HealthRight 360	Cayco	Ibarra Crisosto	VN		Vâng	1649538901	VN242941
HealthRight 360	Coleman	Candy	CAODC		Vâng	1699083030	9029
HealthRight 360	Collins	Wilzelta	CAODC		Vâng	1831497767	Aii056160518
HealthRight 360	Cosper	Charles	LPT		Vâng	1720230170	PT26317
HealthRight 360	Cotter	Dawn	RN		Vâng	1265810048	RN95133315
HealthRight 360	Countee	Kacy	VN		Vâng	1699241067	VN281583
HealthRight 360	Cruz	Cheryl	LCSW		Vâng	1124210315	LCSW87138
HealthRight 360	Dectis	Rikki	RN		Vâng	1821637448	RN95029448
HealthRight 360	Dertien	Andrew	RAODC		Vâng	1013512383	SUDRC12586
HealthRight 360	Eldridge	Lewis	CAODC		Vâng	1790826808	Aii054130418
HealthRight 360	Eldridge	Lewis	CAODC		Vâng	1790826808	Aii054130418
HealthRight 360	Elliott	Kristian	LMFT		Vâng	1720511397	LMFT141829
HealthRight 360	Escalante	Diego	AMFT		Vâng	1386102333	AMFT144222
HealthRight 360	Evangelista	Lynne	RN		Vâng	1275059024	RN95313697
HealthRight 360	Evangelista	Lynne	RN		Vâng	1275059024	RN95313697
HealthRight 360	Gaines	Jennifer	RAODC		Không	1982470886	17099
HealthRight 360	Garcia	Kathy	RAODC		Không	1881148302	RH0007370821
HealthRight 360	Gay	Joel	CAODC		Vâng	1174793681	C054210518
HealthRight 360	Gilligan	Kathleen	NP, MSN	Spanish	Vâng	1962834150	MG3460564, XG3460564, NP95002173
HealthRight 360	Godsey	Christian	RAODC		Vâng	1194569533	R1523470823
HealthRight 360	Gomez	Louie	RAODC	Spanish	Vâng	1649033168	SUDRC15864
HealthRight 360	Gonzales	Christopher	LCSW		Vâng	1306194196	LCSW95146
HealthRight 360	Hankin	Sara	RN		Vâng	1275216863	RN95202120
HealthRight 360	Hernandez	Oscar	RAODC	Spanish	Vâng	1225622269	SUDRC#12802
HealthRight 360	Hines	Joy	RAODC		Vâng	1891441671	R1394670620
HealthRight 360	Hollins	Marvin	RAODC		Vâng	1912777152	R1546060124
HealthRight 360	Hoskins	Che	CAODC		Vâng	1366744328	SUDCC11760
HealthRight 360	James	Sandra	ASW		Vâng	1003304775	ASW94494
HealthRight 360	James	Sandra	ASW		Vâng	1003304775	ASW94494
HealthRight 360	James	Sandra	ASW		Vâng	1003304775	ASW94494
HealthRight 360	Johnson	Ennis	CAODC		Vâng	1265138713	051228 V
HealthRight 360	Justice	Marcus	CAODC		Vâng	1487703344	C058550618
HealthRight 360	Kelly	Dalana	RAODC		Vâng	1477121457	SUDRC11960
HealthRight 360	Khadjenouri	Kian	CAODC		Vâng	1932826609	SUDRC14654
HealthRight 360	Khanthavong	Nancy	RAODC		Không	1578281119	SUDRC16581
HealthRight 360	Khurana	Martina	ASW	Italian	Vâng	1972376705	ASW116069
HealthRight 360	King	Kristine	APCC		Vâng	1922518869	APCC14861
HealthRight 360	Klotzle	James	LMFT		Vâng	1164730784	LMFT90273
HealthRight 360	Koscak	Natasha	RAODC		Vâng	1265286892	16915
HealthRight 360	Lewis	Shawnica	RAODC		Vâng	1487100145	R1355400719

Chương trình sức khỏe	Họ	Tên đầu tiên	Bảng cấp chuyên nghiệp	Ngôn ngữ	Đào tạo năng lực văn hóa	NPI	Số giấy phép
HealthRight 360	Macias	Raymond	CAODC	Spanish	Vâng	1598281990	CiCA02201119
HealthRight 360	Maloney	Patricia	CAODC		Vâng	1871190199	10675
HealthRight 360	Marek-Sinclair	Nicholas	ASW		Vâng	1932621208	ASW119923
HealthRight 360	Marie	Tina	RAODC		Vâng	1013637818	SUDRC # 13430
HealthRight 360	McEntee	Michael	RAODC		Vâng	1194326793	R1397260720
HealthRight 360	McFarlan	Walker	APCC		Vâng	1396497491	APCC11210
HealthRight 360	Montgomery	Johnny	RAODC		Vâng	1427838150	RAC16517
HealthRight 360	Moore	Matthew	RN	Spanish	Vâng	1073832770	RN526749
HealthRight 360	Ndiaye	Sophie	RAODC	Wolof	Vâng	1134998271	R1417050121
HealthRight 360	Newton	James	APCC		Vâng	1760059539	APCC14431
HealthRight 360	Orlando	Joseph	CAODC		Không	1457817645	Ci36180722
HealthRight 360	Parsons	Karen	LCSW		Vâng	1396926549	LCSW81407
HealthRight 360	Paul	Harold	CAODC		Vâng	1487294807	Ci35040322
HealthRight 360	Pierce	Mario	RAODC		Vâng	1578292538	SUDRC16172
HealthRight 360	Pilpe	Daniel	RAODC	Spanish	Vâng	1720624059	R1366261019
HealthRight 360	Pinkard	Joseph	CAODC		Vâng	1225620834	17564
HealthRight 360	Porcupine	Martha	CAODC		Vâng	1063668069	C051000218
HealthRight 360	Resendez Gonzalez	Maria	RAODC		Không	1841909785	14082
HealthRight 360	Richardson	Stewart	ASW		Vâng	1558732792	ASW113111
HealthRight 360	Richie	Robert	RAODC		Vâng	1952003444	R1499200323
HealthRight 360	Roldan	Tatiana	ASW		Vâng	1770767840	ASW108880
HealthRight 360	Roman	Vivian	CAODC	Spanish	Vâng	1275901571	144010 II, Aii059010618
HealthRight 360	Schulman	Scott	RAODC		Vâng	1245704907	Ci37420123
HealthRight 360	Sharif	Malik Noah	RAODC		Vâng	1962905133	RA8660517
HealthRight 360	Sharif	Malik Noah	RAODC		Vâng	1962905133	RA8660517
HealthRight 360	Singletary	Michelle	RAODC		Vâng	1215481528	SUDRC14881
HealthRight 360	Smith	Erica	CAODC		Vâng	1083979348	SUDCCI18110
HealthRight 360	Smith	Jordan	CAODC	Spanish	Vâng	1437913100	16257
HealthRight 360	Smith	Riley	ASW		Vâng	1265150155	ASW109111
HealthRight 360	Smythe	James	RAODC		Vâng	1508589565	13771
HealthRight 360	Spiegel	Jamie	RAODC		Vâng	1326781683	SUDRC14142
HealthRight 360	Spiegel	Jamie	RAODC		Vâng	1326781683	SUDRC14142
HealthRight 360	Steininger	Cornelia	CAODC		Vâng	1306393988	Ci38480523
HealthRight 360	Steuck	Kevin	RAODC		Vâng	1588433221	SUDRC13853
HealthRight 360	Swift	MaryAnn	LCSW		Vâng	1639450455	LCSW75615
HealthRight 360	Tebbs	Michelle	RAODC		Vâng	1609468701	SUDRC14902
HealthRight 360	Thompson	Sunceree	RAODC	American Sign Language	Vâng	1669105508	SUDRC8838
HealthRight 360	Ton	Tith	CAODC	Cambodian	Vâng	1235757782	7279
HealthRight 360	Torres	April	LCSW		Vâng	1124220876	LCSW101741
HealthRight 360	Townsend	Justin	CAODC		Vâng	1992428460	AO531000822
HealthRight 360	Trepadus	Iulia	RAODC		Vâng	1891370383	SUDRC #13789
HealthRight 360	Trevino	Sandra	CAODC		Không	1942519749	7186

Chương trình sức khỏe	Họ	Tên đầu tiên	Bảng cấp chuyên nghiệp	Ngôn ngữ	Đào tạo năng lực văn hóa	NPI	Số giấy phép
HealthRight 360	Ulep	Graciano	CAODC		Vâng	1548638950	Aii055600518
HealthRight 360	Vaquerano	Angela	AMFT		Vâng	1184345423	AMFT134492
HealthRight 360	Vargas	JoAnna	AMFT		Vâng	1619680352	AMFT134206, APCC12013
HealthRight 360	Vera	Lucio	RAODC		Vâng	1962023952	SUDRC12892
HealthRight 360	Watts	Daniel	RAODC	Italian	Vâng	1558149583	15029
HealthRight 360	Whitaker	Regina	PhD/PsyD-Waiver		Vâng	1790936334	94027553
HealthRight 360	Williams	Craig	CAODC		Vâng	1669680724	C17661214
HealthRight 360	Williams	Maxfield	CAODC		Vâng	1255911707	SUDCC10802
HealthRight 360	Wilson-Avila	Tina	CAODC		Vâng	1265081160	SUDCC6421
HealthRight 360	Word	Evelyn	RN		Vâng	1023783214	RN446114
HealthRight 360	Wynne	Shelly	CAODC		Vâng	1205145000	C056540518
HealthRight 360	Zaragoza	Lorena	RAODC		Vâng	1215500798	R1439780721
HealthRight 360 - AARS Project Adapt	Callahan	Gerald	RAODC		Vâng	1972384402	13350
HealthRight 360 - AARS Project Adapt	Chao	Joanne	PsyD		Vâng	1588979702	PSY18532
HealthRight 360 - AARS Project Adapt	Chung	Tsz Ching Isaac	AMFT		Vâng	1497231765	AMFT117816
HealthRight 360 - AARS Project Adapt	Kahn	Zachary	AMFT		Không	1942652425	AMFT126872
HealthRight 360 - AARS Project Adapt	Okada	Susan	CAODC		Vâng	1518099019	Ci25970618
HealthRight 360 - AARS Project Adapt	Shamieh	Heather	CAODC	Arabic	Vâng	1750795548	A014630315
HealthRight 360 - AARS Project Adapt	Vallejo	Enrique	LCSW		Không	1073964870	LCSW115409
HealthRight 360 - Street Crisis Response Team	Lainez	Gerald	RAODC	Spanish	Vâng	1609575133	SUDRC14025
HealthRight360 -AARS Project Reconnect	Mengue	Josiane	RAODC			1558809053	8300
Horizons Unlimited of San Francisco	Ayala	Angelica	RAODC		Vâng	1295382851	R1539331223
Horizons Unlimited of San Francisco	Camarillo	Debra	CAODC	Spanish	Vâng	1851694913	112586I
Horizons Unlimited of San Francisco	Desmond	Suzi	LMFT		Vâng	1477948750	LMFT125504
Horizons Unlimited of San Francisco	Glines	Melinda	MD		Vâng	1306806880	BG8590324, A83936
Horizons Unlimited of San Francisco	Kaehler	Kristine	CAODC		Vâng	1326604281	C135810622
Horizons Unlimited of San Francisco	Ponce	Maya	LCSW		Vâng	1255562484	LCS29419
Horizons Unlimited of San Francisco	Saffioti Johnson	Donna	CAODC	Spanish	Vâng	1578772703	122590
Jail Health Services	Urban	Carol	LMFT		Vâng	1669533733	LMFT43229
Laguna Honda Hospital & Rehabilitation Center	Martinez-Farhi	Maria	PhD	Spanish	Vâng	1295960037	PSY22950
Laguna Honda Hospital SATS	Rosales-Escobar	Tamara	CAODC	Spanish	Vâng	1396944070	Aii058950618
Latino Commission	Baculpo	Rebeca	LCSW	Spanish	Vâng	1720545197	LCSW64040
Latino Commission	Blancas	Oscar	CAODC		Vâng	1790031227	SUDCC17467
Latino Commission	Camarillo	Debra	CAODC	Spanish	Vâng	1851694913	112586I
Latino Commission	Carpenetti	Kristina	RAODC		Không	1720670987	R1395350620
Latino Commission	Espinoza	Gabriela	CAODC	Spanish	Vâng	1881152593	2112386
Latino Commission	Estrada	Jenny	RAODC		Vâng	1033732573	R1426190421
Latino Commission	Guido	Wendy	RAODC		Vâng	1659034403	R1455850122
Latino Commission Casa Aviva (SUD)	Cirino	Felisha	RAODC		Vâng	1548946056	R1489421122
Latino Commission Casa Quetzal	Blancas	Salvador	CAODC	Spanish	Vâng	1003190299	8399

Chương trình sức khỏe	Họ	Tên đầu tiên	Bảng cấp chuyên nghiệp	Ngôn ngữ	Đào tạo năng lực văn hóa	NPI	Số giấy phép
Latino Commission Entre Familia	O'Neil	John	MD		Vâng	1952573826	FO7577147, A118663
LHH Psychiatry	Lin	Katrina	DO		Vâng	1154828358	FL2865636, 20A20936
LHH Psychiatry	Wheeler	Tyler	MD		Vâng	1497312821	FW9816224, A177313
Mission Council	Acosta-Angeles	Maria	CAODC	Spanish	Không	1508994294	7180
Mission Council	Alfaro	Roberto	CAODC	Spanish	Vâng	1891820478	SUDCC7588
Mission Council	De La Rosa	Alfredo	RAODC	Spanish	Không	1417609678	12432
Mission Council	Mejia	Deysi	RAODC	Spanish	Vâng	1306584271	SUDRC13518
Mission Council	Morales	Melinda	RAODC	Spanish	Vâng	1568950400	SUDRC13814
Mission Council	Rodriguez	Erika	RAODC	Spanish	Vâng	1669500377	SUDRC11562
Mission Council	Ruiz	Ruben	MD	Spanish	Vâng	1235297318	AR8585979, A33512
Mission Mental Health Clinic	Arbesu-Sala	Solange	AMFT	Spanish	Vâng	1568185890	AMFT129987
Salvation Army Harbor Light Program	Anello	Maia	CAODC		Vâng	1679091854	6219
Salvation Army Harbor Light Program	Brautigam	Kathleen	CAODC		Vâng	1215455563	SUDCC6191
Salvation Army Harbor Light Program	Carter	Angel	VN		Vâng	1730608795	VN256195
Salvation Army Harbor Light Program	Hailey	Darren	RAODC		Vâng	1700411386	A053110822
Salvation Army Harbor Light Program	Redwood	DeJuan	CAODC		Vâng	1730607987	6557
Salvation Army Harbor Light Program	Sales	May	RAODC	Tagalog	Không	1215610589	R1500850323
SF AIDS Foundation	Carnini	Pietro	LMFT		Vâng	1306993159	LMFT42943
SF AIDS Foundation	Clifford	Tyrone	RAODC		Vâng	1851889398	204495 I
SF AIDS Foundation	Diaz	Edmund	CAODC	Spanish	Vâng	1407154461	LCi04501015
SF AIDS Foundation	Figallo	Claudia	CAODC	Spanish	Vâng	1841337359	LS00090623
SF AIDS Foundation	Hockman	Andrew	ASW		Vâng	1487266185	ASW107221
SF AIDS Foundation	Holum	Robert	LMFT	French	Vâng	1932187457	LMFT40503
SF AIDS Foundation	Kilfoil	Paul	CAODC		Vâng	1457640385	C16501214
SF AIDS Foundation	Lockwood Hernandez	Kiana	AMFT		Vâng	1093398406	AMFT135731
SF AIDS Foundation	Mejia	Anibal	LMFT	Portuguese, Spanish	Không	1629373170	LMFT46192
SF AIDS Foundation	Samra	Jasjit	AMFT		Vâng	1306509658	AMFT140869
SF AIDS Foundation	Staiti	Ivana	ASW		Vâng	1689227050	ASW98571
SF AIDS Foundation	Temple	William	LCSW		Vâng	1154797785	LCSW88336
SF AIDS Foundation	Zepeda	Christoph	LPCC		Vâng	1578913042	LPCC9385
SF AIDS Foundation	Zimmerman	Lila	AMFT		Vâng	1164088555	AMFT122800
SF AIDS Foundation - Stonewall Project	Maristela	Nicollette	LMFT		Vâng	1932632916	LMFT132826
SF AIDS Foundation - Stonewall Project	Zohdi	Qamar	CAODC	German	Vâng	1912466632	A053770524
SFDPH Substance Use Services	Soran	Christine	MD	Spanish, Swahili	Vâng	1003236795	FS5845334, XS5845334, A140911
Sunset Mental Health Services	Yang	Amy	MD		Không	1306048145	FY2191687, XY2191687, A119018

Chương trình sức khỏe	Họ	Tên đầu tiên	Bảng cấp chuyên nghiệp	Ngôn ngữ	Đào tạo năng lực văn hóa	NPI	Số giấy phép
UCSF Alliance Health Project	Crouch	Pierre-Cedric	NP, ANP, PhD	French	Vâng	1194869313	MC1797628, XC1797628, NP17368
UCSF Alliance Health Project	Dunkin	Charlie	LCSW		Vâng	1558730473	LCSW99307
UCSF Alliance Health Project	Garcia	Braulio	LCSW	Spanish	Vâng	1235339029	LCSW25135
UCSF Alliance Health Project	Isbell	Luisa	RAODC		Không	1780257600	R1461040322
UCSF Alliance Health Project	Ogbu-Nwobodo	Lucy	MD		Vâng	1700264116	FO2054170, A181859
UCSF Alliance Health Project	Sante	Rori	ASW		Vâng	1215508007	ASW109277
UCSF Alliance Health Project	Shone	Kevin	CAODC			1730466855	Ci2620315
UCSF Alliance Health Project	Spindel	Michelle	LMFT		Vâng	1285771964	LMFT88875
UCSF Citywide Case Management	Chimara	Ndubuisi	ASW		Vâng	1376263152	ASW107467
UCSF Citywide Case Management	Gruber	Valerie	PhD	German	Vâng	1518996669	PSY13194
UCSF Citywide STOP	Bridge	Bryce	LMFT		Vâng	1164864104	LMFT109827
UCSF Citywide STOP	Crutchfield	Malika	CAODC		Không	1780348490	12361
UCSF Citywide STOP	Cunningham	Carrie	MD, MPH	Spanish	Vâng	1588950745	FC5985885, A121830
UCSF Citywide STOP	Freedman	Aaron	LMFT	Spanish	Vâng	1154857456	LMFT123163
UCSF Citywide STOP	Gruber	Valerie	PhD	German	Vâng	1518996669	PSY13194
UCSF Citywide STOP	Martinez	Bryanna	RAODC		Vâng	1467176412	R1487741122
UCSF Citywide STOP	Niles	Jessica	RAODC		Vâng	1396470712	R1509240623
Westside Community Services, Inc. Methadone Maintenance & Detox & HIV Set Aside	Clark	Glen	CAODC		Không	1952585218	C054920518
Westside Community Services, Inc. Methadone Maintenance & Detox & HIV Set Aside	Cuenca	Bernadette	VN			1346708328	VN698823
Westside Community Services, Inc. Methadone Maintenance & Detox & HIV Set Aside	Ngo	Ngan	VN			1427602572	VN702141
Westside Community Services, Inc. Methadone Maintenance & Detox & HIV Set Aside	Staggers	Frank	MD		Vâng	1841411378	AS2480678, XS2480678, A40525
Westside Community Services, Inc. Methadone Maintenance & Detox & HIV Set Aside	Williams	Natra	CAODC		Không	1194073734	051174 I
Westside Community Services, Inc. Methadone Maintenance & Detox & HIV Set Aside	Wood	Lisa	CAODC		Vâng	1164879425	6777
Westside Community Services, Inc. Methadone Maintenance & Detox & HIV Set Aside	Yost	Janet	VN			1790154995	VN242651